

Số: 1180/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ quyết định số 1356/QĐ-ĐLTKV ngày 16/5/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Điện lực – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng Công ty Điện lực -TKV;

Căn cứ văn bản số 1370/ĐLTKV-KH ngày 19/5/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc Giao /Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-ĐN5 ngày 19/5/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-ĐN5 ngày 27/6/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành phương án kỹ bảo dưỡng hệ thống PCCC Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1083/QĐ-ĐN5 ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV năm 2025.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV và Công Ty TNHH Thương Mại Phúc Lộc Hưng Thịnh ký ngày 13 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp ngày 21/8/2025 của tổ thẩm định về việc Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV năm 2025;

Theo Tờ trình ngày 19/8/2025 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV năm 2025.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV năm 2025 với các nội dung chính như sau:

- Tên nhà cung cấp: Công Ty TNHH Thương Mại Phúc Lộc Hưng Thịnh
- Địa chỉ: Tổ 5 Tân Lập, Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên;
- Giá trúng cung cấp: **281.354.040 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi mốt triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí liên quan. Chi tiết phụ lục 1 đính kèm.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2: Quyết định này làm cơ sở để các bên ký kết hợp đồng và thực hiện các công việc liên quan.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và đơn vị được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các PGĐ, KTT (e – copy);
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, (D02).



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ GÓI CUNG CẤP
(Kèm theo Quyết định số: 1180/QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 8 năm 2025)

Số TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Trụ sở văn phòng Công ty				
1	Bảo dưỡng bơm điện P = 25HP	Cái	1	1.887.000	1.887.000
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q=113m3, h=50m.	Cái	1	2.831.000	2.831.000
3	Bảo dưỡng bơm điện bù áp P = 6HP	Cái	1	1.415.000	1.415.000
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1	1.415.000	1.415.000
5	Bảo dưỡng rọ hút DN150	Cái	2	1.415.000	2.830.000
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	Cái	1	1.179.000	1.179.000
7	Bảo dưỡng van chặn DN150	Cái	3	117.000	351.000
8	Bảo dưỡng van chặn DN100	Cái	2	89.000	178.000
9	Bảo dưỡng van chặn DN65	Cái	1	42.000	42.000
10	Bảo dưỡng van chặn DN50	Cái	1	33.000	33.000
11	Bảo dưỡng Y lọc DN150	Cái	2	117.000	234.000
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	Cái	1	42.000	42.000
13	Bảo dưỡng chống rung DN150	Cái	2	117.000	234.000
14	Bảo dưỡng chống rung DN100	Cái	2	89.000	178.000
15	Bảo dưỡng chống rung DN65	Cái	1	42.000	42.000
16	Bảo dưỡng chống rung DN50	Cái	1	33.000	33.000
17	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	Cái	1	89.000	89.000
18	Bảo dưỡng van 1 chiều DN50	Cái	1	33.000	33.000
19	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1	943.000	943.000
20	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	2	150.000	300.000
21	Bảo dưỡng hòng vách tường	Cái	8	122.000	976.000
22	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 20 kênh	Tủ	1	3.302.000	3.302.000
23	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	Cái	8	424.000	3.392.000
24	Bảo dưỡng đầu báo khói	Cái	54	141.000	7.614.000
25	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	23	75.000	1.725.000
26	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	23	75.000	1.725.000
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	22	56.000	1.232.000
28	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	15	56.000	840.000
II	Khu vực nhà máy				
1	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy CO2 tại 02 máy phát	ht	1	70.777.000	70.777.000
2	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy FM200 tại phòng điều hành trung tâm	ht	1	37.777.000	37.777.000
3	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	trụ	5	150.000	750.000

Số TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
4	Bảo dưỡng tủ, hòng nước chữa cháy trong nhà	tủ	17	226.000	3.842.000
5	Bảo dưỡng hòng vách tường	Cái	4	122.000	488.000
6	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy tự động	Tủ	1	3.302.000	3.302.000
7	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	50	141.000	7.050.000
8	Bảo dưỡng đầu báo nhiệt	cái	9	141.000	1.269.000
9	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	2	1.651.000	3.302.000
10	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	12	424.000	5.088.000
11	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	44	75.000	3.300.000
12	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm (đèn exit)	cái	31	75.000	2.325.000
13	Bảo dưỡng bơm điện số 1, P = 100HP	cái	1	1.887.000	1.887.000
14	Bảo dưỡng bơm điện số 2, P = 100HP	cái	1	1.887.000	1.887.000
15	Bảo dưỡng bơm điện bù áp, P = 10HP	cái	1	1.415.000	1.415.000
16	Bảo dưỡng bơm chữa cháy di động Q=700l/p, h = 40m.	cái	1	1.415.000	1.415.000
17	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	Cái	1	1.415.000	1.415.000
18	Bảo dưỡng bình tích áp	Bình	1	471.000	471.000
19	Bảo dưỡng rọ hút DN150	cái	2	1.415.000	2.830.000
20	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2	1.179.000	2.358.000
21	Bảo dưỡng van chặn DN150	cái	3	117.000	351.000
22	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3	89.000	267.000
23	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1	42.000	42.000
24	Bảo dưỡng van chặn DN50	cái	1	33.000	33.000
25	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2	89.000	178.000
26	Bảo dưỡng van 1 chiều DN40	cái	1	33.000	33.000
27	Bảo dưỡng van báo động DN100	Cái	1	943.000	943.000
28	Bảo dưỡng Y lọc DN150	cái	2	117.000	234.000
29	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1	42.000	42.000
30	Bảo dưỡng chống rung DN150	cái	4	117.000	468.000
31	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4	89.000	356.000
32	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1	42.000	42.000
33	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1	33.000	33.000
34	Bảo dưỡng hệ thống chữa cháy tự động máy biến áp	ht	2	14.155.000	28.310.000
35	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZ4	Bình	21	56.000	1.176.000
36	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	38	56.000	2.128.000
37	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	26	56.000	1.456.000
38	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT24	Bình	4	80.000	320.000
III Khu kho vật tư					
1	Bảo dưỡng bơm điện P=40HP	cái	1	1.415.000	1.415.000
2	Bảo dưỡng bơm chữa cháy diesel Q =45 m3,h = 60m.	cái	1	1.415.000	1.415.000

Số TT	TÊN HÀNG	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
3	Bảo dưỡng bơm bù áp: P=3HP	cái	1	1.415.000	1.415.000
4	Bảo dưỡng tủ điều khiển bơm	cái	1	1.415.000	1.415.000
5	Bảo dưỡng rọ hút DN100	cái	2	1.321.000	2.642.000
6	Bảo dưỡng rọ hút DN65	cái	2	1.179.000	2.358.000
7	Bảo dưỡng van chặn DN100	cái	3	89.000	267.000
8	Bảo dưỡng van chặn DN65	cái	1	42.000	42.000
9	Bảo dưỡng van 1 chiều DN100	cái	2	89.000	178.000
10	Bảo dưỡng van 1 chiều DN65	cái	2	42.000	84.000
11	Bảo dưỡng Y lọc DN100	cái	2	89.000	178.000
12	Bảo dưỡng Y lọc DN65	cái	1	42.000	42.000
13	Bảo dưỡng chống rung DN100	cái	4	89.000	356.000
14	Bảo dưỡng chống rung DN65	cái	1	42.000	42.000
15	Bảo dưỡng chống rung DN50	cái	1	33.000	33.000
16	Bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời	Trụ	1	150.000	150.000
17	Bảo dưỡng trụ tiếp nước chữa cháy	Trụ	1	150.000	150.000
18	Bảo dưỡng hòng vách tường	Cái	11	122.000	1.342.000
19	Bảo dưỡng tủ trung tâm báo cháy 10 kênh	Tủ	1	2.359.000	2.359.000
20	Bảo dưỡng nút ấn, đèn, chuông báo cháy	cái	18	165.000	2.970.000
21	Bảo dưỡng đầu báo tia chiếu	cái	4	1.651.000	6.604.000
22	Bảo dưỡng đầu báo khói	cái	35	141.000	4.935.000
23	Bảo dưỡng đèn báo phòng	cái	4	23.000	92.000
24	Bảo dưỡng đèn chiếu sáng sự cố	cái	18	75.000	1.350.000
25	Bảo dưỡng đèn chỉ dẫn thoát hiểm	cái	16	75.000	1.200.000
26	Bảo dưỡng bình chữa cháy MFZL8	Bình	27	56.000	1.512.000
27	Bảo dưỡng bình chữa cháy MT5	Bình	27	56.000	1.512.000
	Cộng				260.513.000
	Thuế VAT 8%				20.841.040
	Tổng cộng sau thuế				281.354.040

(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi đồng).

PHỤ LỤC 2.

Yêu cầu nhân lực nhà thầu và Thiết bị thi công
(Kèm theo Quyết định số: 1180/QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 8 năm 2025)

1. Yêu cầu tối thiểu về số lượng nhân sự chủ chốt, trình độ và chứng chỉ như sau:

STT	Họ và tên	Chức Danh	SL	Chứng chỉ	Chứng chỉ ATLĐ	Kinh nghiệm
1	Bùi Thanh Bắc	Chỉ huy trưởng	01	Chứng chỉ ATĐ	Chứng chỉ ATLĐ	03 năm chỉ huy trưởng
2	Lục Thanh Tùng	Chỉ huy thi công	01	Thi công PCCC	Chứng chỉ ATLĐ	03 năm chỉ huy thi công
3	Trịnh Ngọc Sáng	Kỹ thuật	01	Thi công PCCC	Chứng chỉ ATLĐ	03 năm chỉ huy thi công

2. Yêu cầu tối thiểu về số lượng thiết bị, dụng cụ tham gia thi công:

STT	Tên thiết bị/dụng cụ và yêu cầu	Số lượng	Mã Hiệu	Nhà sản xuất	Ghi chú
1	Bộ cờ lê khoá 10-34	02	Makita	Makita	
2	Máy hàn điện tử	01	Welhome	Welhome	
3	Máy mài cầm tay	01	Makita	Makita	
4	Tua vít điện	01	Makita	Makita	
6	Ampe kìm	01	Kyoritsu	Kyoritsu	

1.01.C.P. 5N